TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

Bản án số: 44/2021/HNGĐ- ST
Ngày 23/06/2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Từ Tứ Hải**
2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Mỹ E**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Tống Văn E**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ E trình bày: tôi và anh Tống Văn E chung sống với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh Tống Văn E có quen biết và có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên ăn nhậu, về đến nhà thì chồng tôi thường kiếm chuyện để quậy, chửi bới cả đêm, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tôi có khuyên chồng tôi nhiều lần nhưng chồng tôi không nghe vẫn chứng nào tật ấy. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm:

1. Tống Thanh H, sinh ngày 01/06/2001

2. Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009

3. Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Mỹ E yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Tống Văn E.

Về quan hệ con chung: cháu Tống Thanh H hiện đã trưởng thành. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009 và cháu Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011, yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ/02 cháu cho đến khi cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Tống Văn E trình bày**: anh Tống Văn E vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Tống Văn E với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh Tống Văn E vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Tống Văn E, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tống Văn E là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E là vợ chồng là có cơ sở.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị Mỹ E yêu cầu xin được nhận nuôi cháu Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009 và cháu Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011. Xét thấy giao cháu Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009 và cháu Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011 cho chị Mỹ E trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Mặt khác do cháu Mỹ A hiện nay 12 tuổi, cháu Bích T hiện nay 10 tuổi, nguyện vọng của cháu Mỹ A và cháu Bích T là khi cha mẹ hai cháu ly hôn thì hai cháu sẽ sống với mẹ. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về cấp dưỡng:** Xét yêu cầu của chị Mỹ E yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009, 1.000.000đ/01 tháng và cháu Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011, 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T của chị Mỹ E là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Hiện nay tại phiên tòa cho thấy anh Tống Văn E làm nghề thợ hồ và có thu nhập là 9.000.000đ/01 tháng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy anh Tống Văn E cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Mỹ A 1.000.000 đồng/01 tháng và cháu Tống Thị Bích T 1.000.000đ/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh Tống Văn E cấp dưỡng cho cháu Tống Thị Mỹ A số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng và cháu Tống Thị Bích T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu anh Tống Văn E cấp dưỡng cho cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: chị Nguyễn Thị Mỹ E phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0008335 ngày 28/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Mỹ E đã nộp đủ.

[8] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Tống Văn E phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Tống Thị Mỹ A, sinh ngày 30/03/2009 và cháu Tống Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Mỹ E trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T là sau khi chị Nguyễn Thị Mỹ E và anh Tống Văn E ly hôn thì hai cháu sẽ sống với chị Nguyễn Thị Mỹ E. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ E về cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Mỹ A số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng và cháu Tống Thị Bích T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng. Buộc anh Tống Văn E có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tống Thị Mỹ A số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng và cháu Tống Thị Bích T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh Tống Văn E cấp dưỡng cho cháu Tống Thị Mỹ A và cháu Tống Thị Bích T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ E nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008335 ngày 28/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Mỹ E đã nộp đủ.

5. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Tống Văn E phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Mỹ E biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Tống Văn E biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật